

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/KDTM -ST**

Ngày: 07/01/2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nam

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tiến

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thạch Thị Hằng – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên tiến hành xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2021/TLST - KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXX - ST ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: Số A phố L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D – Cán bộ xử lý nợ.

(Theo Văn bản ủy quyền số 287/2020/UQ-VPB ngày 28/7/2020 của Ngân hàng TMCP V) (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất và thương mại T

Trụ sở: Số A ngõ C phố T, phường L, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn C – Chức vụ: Giám đốc.
(Xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn C1 , sinh năm 1985

+ Bà Huỳnh Thị Lin Đ , sinh năm 1990

Cùng HKTT, chỗ ở: A, xã V, huyện T, tỉnh Long An. (Ông C và bà Lin Đ cùng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V trình bày với nội dung:

Ngày 28/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V) và Công ty TNHH sản xuất và thương mại T (gọi tắt là Công ty T) có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 261118-2821143-01-SME với nội dung: Công ty T vay vốn của V – chi nhánh Hà Nội số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 24 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất Socola họa tiết trang trí bao gồm nguyên vật liệu, trả lương nhân công, thuê nhà xưởng. Bên vay có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ngân hàng về mục đích sử dụng vốn vay của mình.

Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn được quy định trong (các) khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và Ngân hàng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T vay số tiền 600.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 281118-2921143-01-SME ngày 28/11/2018, thời hạn vay: 24 tháng từ ngày 28/11/2018 đến ngày 28/11/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 24.9%/năm. Cố định trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 06 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 28/5/2019. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là trên 1 đến = 2 năm và kỳ hạn điều chỉnh lãi suất là 6 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 16%/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”).

Để đảm bảo cho khoản vay trên giữa V và ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ có ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/V-TTG và Hợp đồng bảo

lãnh số 02/HĐBL/V -TTG ngày 28/11/2018 với nội dung: Ông Trần Văn C và bà Huỳnh Thị Lin Đ đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty T với V phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 261118-2821143-01-SME ngày 28/11/2018 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Tân Trường Chnh và V bao gồm cả phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V. Do đó, V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Tạm tính đến hết ngày 07/01/2022, Công ty T còn nợ V số tiền như sau:

Nợ gốc: 545.031.979 đồng

Nợ lãi: 565.504.919 đồng

Lãi phạt chậm trả: 84.608.616 đồng

Tổng cộng: 1.195.145.514 đồng.

Nay, V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty T thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số: 261118-2821143-01-SME ngày 28/11/2018 và khế ước nhận nợ số 281118-2921143-01-SME ngày 28/11/2018 tạm tính đến hết ngày 07/01/2022 tổng số tiền: 1.110.536.898 đồng (*Một tỷ, một trăm mười triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc: 545.031.979 đồng, nợ lãi: 565.504.919 đồng. Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi phạt chậm trả số tiền tạm tính đến hết ngày 07/01/2022 là 84.608.616 đồng và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty T thanh toán khoản nợ gốc và lãi.

Công ty T tiếp tục phải thanh toán lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 08/01/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V.

- Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho V thì đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn C và bà Huỳnh Thị Lin Đ có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên.

Trường hợp Công ty T, ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty T, ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ để thu hồi nợ.

* Ông Trần Văn C với tư cách là giám đốc – người đại diện theo pháp luật của bị đơn – Công ty T và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày với nội dung:

Vào khoảng cuối năm 2018, Công ty TNHH sản xuất và thương mại T do ông là người đại diện theo pháp luật có ký Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP V (V) để vay số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Quá trình vay, Công ty T đã trả được cho V số nợ gốc khoảng 55.000.000 đồng và một khoản tiền lãi nhưng do thời gian đã lâu nên ông không nhớ cụ thể bao nhiêu. Số tiền nợ gốc còn lại khoảng 545.000.000 đồng. Nay, theo Đơn khởi kiện của V yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền gốc và lãi tổng cộng là: 770.748.795 đồng thì ông cũng đồng ý. Nhưng do Công ty làm ăn thua lỗ và các cổ đông không còn liên lạc được nên ông không có khả năng thanh toán, sau này nếu có tiền ông sẽ thực hiện trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

* Bà Huỳnh Thị Lin Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày với nội dung:

Bà là vợ của ông Trần Văn C1. Khoảng cuối năm 2018, Công ty TNHH T do ông C là người đại diện theo pháp luật có ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 600.000.000 đồng. Sau đó bà được biết Công ty đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc khoảng 55.000.000 đồng và một phần tiền lãi nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán trả Ngân hàng tổng số tiền 770.748.795 đồng, trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà cũng đồng ý với ông C trả nợ thay cho Công ty T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có Đơn xin giải quyết vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Về nội dung: V và Công ty T có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 261118-2821143-01-SME và khế ước nhận nợ số 281118-2921143-01-SME ngày 28/11/2018. Biện pháp bảo đảm bằng Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/V - TTG và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/V - TTG ngày 28/11/2018 ký kết giữa ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ và V.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi phạt chậm trả tạm tính đến hết ngày 07/01/2022 là 84.608.616 đồng; buộc Công ty T phải thanh toán cho V số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 07/01/2022 tổng số tiền: 1.110.536.898 đồng (*Một tỷ, một trăm mười triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc: 545.031.979 đồng, nợ lãi: 565.504.919 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo.

Trong trường hợp Công ty T không trả được khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 261118-2821143-01-SME và khế ước nhận nợ số 281118-2921143-01-SME ngày 28/11/2018, đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể trên. Trường hợp Công ty T và ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty T, tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ.

- Về án phí: Công ty T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên và theo cung cấp của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội, tại thời điểm người khởi kiện nộp đơn khởi kiện, Công ty TNHH sản xuất và thương mại T có địa chỉ trụ sở chính tại: Số 8 ngõ 56 phố Thạch Cầu, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có Đơn xin giải quyết vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 06/01/2022, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi phạt chậm trả tạm tính đến hết ngày 07/01/2022 là 84.608.616 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:

Hội đồng xét xử nhận thấy: V và Công ty T có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 261118-2821143-01-SME và khế ước nhận nợ số 281118-2921143-01-SME ngày 28/11/2018. Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (sau đây gọi là Quyết định 1627); Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng nên có hiệu lực pháp luật. V đã giải ngân đầy đủ số tiền 600.000.000 đồng cho Công ty T. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng cho vay hạn mức. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

V khởi kiện yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11, khoản 2 Điều 13 và Điều 25 Quyết định 1627; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

buộc Công ty T phải thanh toán cho V số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 07/01/2022 tổng số tiền: 1.110.536.898 đồng (một tỷ, một trăm mười triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc: 545.031.979 đồng, nợ lãi: 565.504.919 đồng.

2.2. Về yêu cầu ông Trần Văn C và bà Huỳnh Thị Lin Đ thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên của Công ty T, giữa V và ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ có ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/V-TTG và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/V-TTG ngày 28/11/2018 với nội dung ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty T với V phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 261118-2821143-01-SME và khế ước nhận nợ số 281118-2921143-01-SME ngày 28/11/2018. Hợp đồng bảo lãnh trên về hình thức và nội dung đúng quy định của pháp luật, các bên tham gia giao kết tự nguyện nên có giá trị pháp luật.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 261118-2821143-01-SME và khế ước nhận nợ số 281118-2921143-01-SME ngày 28/11/2018. Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, buộc ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên.

Trường hợp Công ty T và ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc sở hữu của Công ty T và tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Văn C1, bà Huỳnh Thị Lin Đ theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ.

Về án phí: Công ty T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 335, Điều 336; Điều 339; Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 79 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;

- Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005;

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ T .

2. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện đòi lãi phạt chậm trả của Ngân hàng TMCP V .

3. Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ T phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 261118-2821143-01-SME và khế ước nhận nợ số 281118-2921143-01-SME ngày 28/11/2018 tạm tính đến hết ngày 07/01/2022 tổng số tiền: 1.110.536.898 đồng (*Một tỷ, một trăm mười triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc: 545.031.979 đồng, nợ lãi: 565.504.919 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo.

3. Trường hợp Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì buộc ông Trần Văn C và bà Huỳnh Thị Lin Đ có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ T .

Trường hợp Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ T và ông Trần Văn C1 , bà Huỳnh Thị Lin Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ T và tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Văn C1 , bà Huỳnh Thị Lin Đ theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ.

4. Về án phí:

Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ T phải chịu 45.316.107 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, ba trăm mười sáu nghìn, một trăm linh bảy đồng*) án phí kinh doanh thương mại thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền 17.415.000 đồng (*Mười bảy triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Ngân hàng đã nộp theo Biên lai số 16778 ngày 04/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Án xử công khai sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ T , ông Trần Văn C1 , bà Huỳnh Thị Lin Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

-Lưu hồ sơ; VP.

Nguyễn Minh Nam

